Kết quả nghiên cứu trên chỉ ra rằng giống lúa DT57 là giống lúa chống chịu sâu bệnh, thể hiện số lần phun thuốc BVTV trong vụ từ 2-4 lần không có sự biến động nhiều về năng suất của giống. Tuy nhiên, việc phòng trừ sâu bệnh tốt nhất là thường xuyên thăm đồng, theo dõi diễn biến sâu bệnh để kịp thời phòng trừ, nên sử dụng thuốc BVTV từ 2-3 lần là thích hợp cho giống lúa DT57.

## IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 1. Kết luận

1. Tuyển chọn được giống lúa DT57 sinh trưởng phát triển tốt phù hợp vùng đất Bắc Giang năng suất thực thu vụ Xuân 64,8 tạ/ha, vụ Mùa 62,1 tạ/ha. Tăng vượt hơn đối chứng Khang dân 16 là 15%.

2. Xác định được quy trình canh tác cho giống lúa DT57 đạt năng suất cao (64,8- 71,4 tạ/ha), thời vụ thích hợp cho giống lúa DT57 vụ Xuân gieo ngày 25/1; vụ Mùa gieo cấy vào ngày 15/6, mật độ cấy 35-40 khóm/$m^2$, chế độ dinh dưỡng cho 1 ha là 2 tấn phân hữu cơ vi sinh, 120kg N, 116kg $K_2O$, 80kg $P_2O_5$, sử dụng thuốc BVTV 2-3 lần/vụ.

### 2. Đề nghị

1. Khuyến cáo người sản suất trồng giống lúa DT57 nên nắm vững đặc tính sinh trưởng của giống và áp dụng theo đúng quy trình canh tác.

2. Khuyến cáo áp dụng giống lúa DT57 cho các vùng trồng lúa tại các tỉnh phía Bắc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO


1. Báo cáo "*Kết quả nghiên cứu chọn tạo và khảo nghiệm giống lúa DT57"*- Trần Thị Bích Lan 2011- Báo cáo hội đồng khoa học công nghệ Bộ Nông nghiệp &PTNT 2011.
2. Báo cáo kết quả khảo nghiệm và các biện pháp canh tác cho giống lúa DT57 tại Bắc Giang-Trần Thị Bích Lan, Hội nghị khoa học Viện Di truyền Nông nghiệp, Hà Nội 2010.
3. *Kỹ thuật thâm canh lúa hộ nông dân*- Nguyễn Văn Hoan- Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội 1998.
4. *Giáo trình côn trùng nông nghiệp*- Nguyễn Đức Khiêm, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội 2006.
5. *Quy trình sản suất lúa giống* -Nhà xuất bản nông nghiệp, 2007.
6. *Quy phạm khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng các giống lúa 10TCN 558-2002*. Bộ Nông nghiệp và PTNT.


*Ngày nhận bài: 9/3/2012*
*Người phản biện: PGS. TS. Nguyễn Văn Viết, ngày 15/3/2012*
*Ngày duyệt đăng: 20/3/2012*

# KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN GIỐNG ĐẬU TƯƠNG CHỊU HẠN, NĂNG SUẤT CAO PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN SINH THÁI KHÓ KHĂN DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI TÂY NGUYÊN

Mai Quang Vinh, Phạm Thị Bảo Chung,
Nguyễn Văn Mạnh, Lê Thị Ánh Hồng

Summary

**Search, selection the drought, wild adaptable soybean with hard ecological conditions due to climate change in Tay Nguyen**

Was implemented from 2009 to 2011 in Tay Nguyen by Agricultural Genetic Institute. Results of the project showed that DT2008 soybean variety has good growth, light infection of diseases, high tolerance with hard ecological condition (drought, flood) due to climate change in Central

Highlands, and high yield of 20-25 quintals/ha, 1,5 - 2 more than Check DT84, MTĐ176. Technical processes for cultivating DT2008 on different lands and seasons (Winter-spring season on rice-based land of one crop, Summer-auturm season on burnt-over and rubber-based land, Auturm-winter season on the rice-based land of two crops) in Central Highlands were constructed. At the same time, the project was in co-operation with localities to construct DT2008 production demontration of 48.5 ha in Kon Tum, Dak Lak, Dak Nong... The demonstration got the yield of over 20 quintals/ha. In 2010, DT2008 was requested exceptionally to recognize a nation variety by Deparment of Agriculture and Rural Development of Kon Tum province, and was adopted as a regional variety by the Ministry of Agriculture and Rural Development.

**Keywords:** Drought tolerant soybean DT2008, Cenral Highland soybean, regional soybean variety DT2008, soybean DT2008 for climate change.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tây Nguyên nằm trên độ cao 500 - 1000 m với diện tích là 5.612 ngàn ha, có nhiều lợi thế trồng cây đậu tương như lượng bức xạ lớn, nhiệt độ dao động từ 18 - 35$^0$C, chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm lớn nhưng sản xuất đậu tương (vụ Xuân Hè, vụ Hè Thu) còn kém phát triển với diện tích khoảng 25.000 ha (năm 2008), năng suất đạt 17,7 tạ/ha với các giống MTD176, HL203, V74, DT84, DT96, ĐT12, DT99..., tập trung chủ yếu tại Đắk Lắk và Đắk Nông, tại Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum hiện diện tích không đáng kể do hiệu quả sản xuất thấp, không cạnh tranh được các cây khác như rau, hoa, ngô, cà phê, tiêu..

Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu tác động lớn nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH). BĐKH dẫn tới các hiện tượng thời tiết cực đoan không theo quy luật, làm giảm năng suất, là một nguyên nhân gây bùng phát nhiều dịch sâu bệnh trên cây trồng. Với kịch bản BĐKH, đến năm 2050, nhiệt độ tại Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tăng từ 0,8$^o$C đến 1,0$^o$C và đến năm 2100, tăng từ 1,7$^o$C đến 2,2$^o$C. Để ứng phó với BĐKH, Tây Nguyên phải bảo vệ những cánh rừng nhiệt đới, bảo tồn đa dạng sinh học, tăng cường công tác nghiên cứu tuyển chọn giống cây trồng mới có khả năng chống chịu, thích ứng với BĐKH. Xuất phát từ thực tiễn trên và thúc đẩy phát triển sản xuất đậu tương tại vùng này, Viện Di truyền Nông nghiệp đã thực hiện đề tài *"Nghiên cứu tuyển chọn giống đậu tương chịu hạn thích ứng rộng với các điều kiện sinh thái khó khăn do biến đổi khí hậu tại Tây Nguyên"* từ năm 2009 - 2010. Bài báo này trình bày một số kết quả từ nghiên cứu trên.

## II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Vật liệu nghiên cứu

Gồm 17 giống đậu tương: ĐVN5, ĐVN9, ĐT12, ĐT26, DT90, DT95, DT96, DT2001, DT2005, DT2008, DT2002, DT2003, DT2006, DT02, ĐRTQ, MTD176 (Đ/C1) và DT84 (Đ/C2).

### 2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phỏng vấn PRA (Participatory Rural Appraise).

- Phương pháp khảo nghiệm các giống đậu tương theo Tiêu chuẩn ngành 10 TCN - 339/2006.

- Xây dựng quy trình canh tác đậu tương triển vọng tại Tây Nguyên.

+ Xác định thời vụ gieo thích hợp

| Thời vụ gieo | Vụ Đông Xuân (vụ I) | | Vụ Hè Thu (vụ II) | | Vụ Thu Đông (vụ III) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk |
| Trà 1 | 22/01 | 26/01 | 24/07 | 26/07 | 07/11 | 10/11 |
| Trà 2 | 02/02 | 06/02 | 03/08 | 05/08 | 17/11 | 20/11 |
| Trà 3 | 12/02 | 16/02 | 13/08 | 15/08 | 27/11 | 30/11 |

+ Xác định phương pháp gieo đậu tương phù hợp với Tây Nguyên

| Công thức | Phương pháp gieo | Mật độ (cây/m$^2$) | Phân bón (PVS (tấn): N: P:K) |
|---|---|---|---|
| CT1 | Đất cày bừa toàn diện | 10 | 0: 0: 0: 0 |
| CT2 | Gieo vào gốc rạ * | 20 | 0: 30: 40: 40 |
| CT3 | Gieo vãi | 30 | 1,8: 30: 40: 40 |
| CT4 | - | 40 | 1,8: 40: 60: 60 |
| CT5 | - | - | 1,8: 50: 80: 80 |

Ghi chú: * ở vụ II là rạch hàng xong gieo

- Số liệu thí nghiệm được xử lý trên phần mềm Exel và IRRISTAT 4.0.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 1. Tình hình sản xuất đậu tương tại Tây Nguyên

* *Tình hình sản xuất*: Từ năm 1985 - 2008, diện tích đậu tương tăng từ 7,3 - 25.000 ha (13% diện tích cả nước), năng suất tăng từ 8,5 lên 17,7 tạ/ha, sản lượng tăng từ 6,2 lên 39,5 ngàn tấn, tăng hơn 6 lần), phân bố chủ yếu tại 2 tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông. Đắk Lắk với diện tích gần 10.000 ha, năng suất đạt 12,53 tạ/ha, sản lượng khoảng 11.600 tấn tập chung ở các huyện Cư M'gar (4.155 ha), Krông Păc (731 ha), EaHleo (634 ha)... Đắk Nông có diện tích 15.884 ha chủ yếu ở huyện Cư Jút (năm 2009 đạt 10.995 ha).

* *Khó khăn:* Sản xuất đậu tương hiệu quả kinh tế chưa cao, không cạnh tranh được với các cây ngô, chanh leo, đậu xanh... Thời tiết khí hậu thay đổi bất thường, mưa lũ, hạn hán xảy ra thường xuyên; Giống đậu tương sản xuất là giống cũ, năng suất và khả năng thích ứng hạn chế, khả năng chống chịu kém; Đầu tư cho sản xuất còn ít, thị trường tiêu thụ không ổn định.

* *Giải pháp:* Sử dụng các giống mới triển vọng cho năng suất cao, thích ứng rộng; Mở rộng diện tích đậu tương vụ Hè Thu và Thu Đông, đưa thêm vụ Đông Xuân (trên đất lúa 1 vụ gieo tháng 2) vào sản xuất.

### 2. Kết quả tuyển chọn giống đậu tương chịu hạn, thích ứng rộng với điều kiện sinh thái khó khăn do biến đổi khí hậu tại Tây Nguyên

Vụ I, các giống DT2001, DT2008, DT96, DT84 sinh trưởng phát triển tốt, chống sâu bệnh khá, năng suất trên 20 tạ/ha. Tại Đắk Lắk, do khô hạn kéo dài đã rút ngắn thời gian sinh trưởng, giảm khả năng sinh trưởng, năng suất của các giống chỉ bằng 1/3 năng suất của các giống tại Kon Tum, DT2008 thích nghi tốt, sinh trưởng phát triển, khả năng chống chịu, đạt năng suất cao nhất 7,0 tạ/ha, ĐVN5 đạt 6,4 tạ/ha, DT2003 - 6,0 tạ/ha, ĐT26 - 6,0 tạ/ha,

ĐVN 9 cho năng suất thấp nhất 3,2 tạ/ha. Tại Kon Tum, năng suất thực thu của các giống dao động từ 10,6 - 20,9 tạ/ha, cao nhất là DT2008 đạt 20,9 tạ/ha, DT96 là 20,4 tạ/ha, DT2001- 19,7 tạ/ha, ĐT26 - 18,6 tạ/ha, DT84 - 18,7 tạ/ha, ĐT12 đạt năng suất thấp nhất 10,7tạ/ha.

Vụ II, các giống DT2008, ĐVN5, DT96, DT90 có khả năng sinh trưởng pháp triển tốt, năng suất cao, ổn định. Tại Kon Tum, năng suất của các giống dao động từ 10,1 - 24,7 tạ/ha, cao nhất là DT2008 - 24,7 tạ/ha, DT90 - 22,8 tạ/ha, ĐVN5 - 21,6 tạ/ha... thấp nhất là ĐT12 - 10,1 tạ/ha. Tại Đắk Lắk, năng suất thực thu của các giống dao động từ 7,5 - 29,6 tạ/ha, thấp nhất là DT2002 - 7,5 tạ/ha, cao nhất là DT2008 - 29,6 tạ/ha, ĐVN5 - 29,2 tạ/ha, DT96 - 28,8 tạ/ha.

Vụ III, tại Kon Tum, năng suất các giống vượt xa so với Đắk Lắk, cao hơn đối chứng DT84 - 16,22 tạ/ha là DT 2008 - 28,33 tạ/ha, ĐT26 - 21,45 tạ/ha, ĐVN5 - 21,41 tạ/ha, DT2001 - 19,40 tạ/ha, DT96 - 19,89 tạ/ha. Tại Đắk Lắk các giống có năng suất cao hơn đối chứng MTD176 - 9,76 tạ/ha là DT2008 - 14,56tạ/ha, ĐVN5 - 12,16 tạ/ha, DT96 - 11,92 tạ/ha, ĐT26 - 11,96 tạ/ha.

Bảng 1. Năng suất các giống đậu tương tại Tây Nguyên năm 2010

*Đơn vị: tạ/ha*

| TT | Giống | Vụ I | | Vụ II | | Vụ III | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk |
| 1 | MTĐ176 (ĐC1) | - | 5,1 | - | - | - | 9,76 |
| 2 | ĐT12 | 10,6 | 4,5 | 10,1 | 16,3 | 10,57 | 7,96 |
| 3 | ĐT26 | 18,6 | 6,0 | 16,5 | 15,8 | 21,45 | 11,96 |
| 4 | ĐVN5 | 14,7 | 6,4 | 21,6 | 29,2 | 19,89 | 12,16 |
| 5 | ĐVN9 | 13,8 | 3,2 | 12,6 | 25,8 | 12,35 | 6,98 |
| 6 | ĐRTQ | 10,7 | 3,9 | - | - | 11,82 | - |
| 7 | DT02 | 17,2 | 5,5 | 20,7 | 15,8 | 16,60 | 10,62 |
| 8 | DT90 | - | - | 22,8 | 25,0 | - | - |
| 9 | DT95 | 13,9 | 5,2 | 14,6 | 21,3 | 13,46 | 8,98 |
| 10 | DT96 | 20,4 | 5,9 | 17,4 | 28,8 | 21,41 | 11,92 |
| 11 | DT2001 | 19,7 | 3,8 | 15,6 | 24,2 | 19,40 | 9,92 |
| 12 | DT2002 | - | - | 14,7 | 7,5 | - | - |
| 13 | DT2003 | 14,5 | 6,0 | 21,4 | 20,0 | 14,74 | 9,32 |
| 14 | DT2005 | 11,3 | 4,9 | 17,4 | 21,7 | 16,82 | 10,14 |
| 15 | DT2006 | 15,2 | 6,0 | 15,1 | 10,4 | 14,12 | 8,84 |
| 16 | DT2008 | 20,9 | 7,0 | 24,7 | 29,6 | 28,33 | 14,56 |
| 17 | DT84 (Đ/c 2) | 18,7 | 3,5 | 10,8 | 17,1 | 16,22 | 8,34 |
| *CV%* | | *8,1* | *5,2* | *11,5* | *8,2* | *7,4* | *7,0* |
| *LSD* $_{0,05}$ | | *0,93* | *0,44* | *3,2* | *2,8* | *2,04* | *1,17* |

### 3. Kết quả xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất giống DT2008

Bảng 2. Ảnh hưởng của thời vụ gieo đến năng suất DT2008 tại Tây Nguyên năm 2010

*Đơn vị: tạ/ha*

| Trà gieo | Vụ I | | Vụ II | | Vụ III | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk |
| Trà 1 | 17,1 | 10,6 | 23,53 | 20,59 | 25,3 | 21,9 |
| Trà 2 | 23,8 | 11,5 | 24,94 | 24,24 | 22,7 | 19,4 |
| Trà 3 | 22,7 | 10,2 | 21,65 | 22,25 | 20,9 | 18,1 |
| *CV%* | *9,5* | *5,6* | *6,0* | *6,8* | *6,1* | *6,6* |
| *$LSD_{0,05}$* | *4,6* | *1,3* | *3,2* | *3,5* | *3,2* | *2,9* |

* *Xác định thời vụ gieo trồng thích hợp:* Vụ I tại Kon Tum, năng suất ở trà gieo 1 thấp nhất, DT2008 đạt năng suất cao nhất tại trà gieo 2 là 23,8 tạ/ha, trà gieo 3 là 22,7 tạ/ha. Vụ II tại Kon Tum, trà gieo 3 DT2008 có năng suất thấp hơn so với hai trà gieo 1 và 2, trà gieo 2 (24,94 tạ/ha) đạt năng suất cao nhất, tiếp đến trà gieo 1 (23,53 tạ/ha); Tại Đắk Lắk, trà gieo 1 đạt 20,59 tạ/ha thấp nhất, trà gieo 2 đạt 24,24 tạ/ha, trà gieo 3 đạt 22,25 tạ/ha. Vụ III, tại Kon Tum, năng suất DT2008 biến động từ 20,9 - 25,3 tạ/ha, trà gieo 3 có năng suất thấp nhất là 20,9 tạ/ha, trà gieo 1 đạt năng suất cao nhất là 25,3 tạ/ha; Tại Đắk Lắk, năng suất DT2008 dao động từ 18,1 - 21,9 tạ/ha.

* *Xác định phương pháp gieo thích hợp:* Tại Kon Tum, năng suất DT2008 ở các phương pháp gieo khác nhau dao động từ 15,7 - 21,6 tạ/ha ở vụ I, từ 11,6 - 24,6 tạ/ha ở vụ II và từ 19,0 - 23,5 tạ/ha ở vụ III, tại Đắk Lắk dao động từ 5,8 - 9,2 tạ/ha ở vụ I, từ 14,2 - 23,8 tạ/ha ở vụ II và từ 14,5 - 18,5 tạ/ha ở vụ III. Tại 2 điểm thí nghiệm, qua 3 vụ khác nhau, năng suất thực thu đạt cao nhất ở phương pháp 1.

Bảng 3. Ảnh hưởng của phương pháp gieo đến năng suất DT2008 tại Tây Nguyên năm 2010

*Đơn vị: tạ/ha*

| TT | Phương pháp gieo | Vụ I | | Vụ II | | Vụ III | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk |
| 1 | PP1 | 21,6 | 9,2 | 24,6 | 23,8 | 23,5 | 18,5 |
| 2 | PP2 | 15,7 | 6,9 | 11,6 | 14,2 | 19,0 | 14,5 |
| 3 | PP3 | 16,3 | 5,8 | 16,3 | 18,9 | 20,0 | 15,5 |
| *CV%* | | *7,1* | *9,3* | *5,0* | *5,2* | *7,5* | *9,2* |
| *$LSD_{0,05}$* | | *2,88* | *1,52* | *1,99* | *2,22* | *3,5* | *3,4* |

* *Xác định lượng phân bón thích hợp:* Vụ I, tại Kon Tum, năng suất DT2008, đạt thấp nhất ở CT1 (19,7 tạ/ha), cao nhất ở CT4 (28,6 tạ/ha), CT3 (27,2 tạ/ha); Tại Đắk Lắk, năng suất DT2008 đạt cao nhất ở CT3 (8,1 tạ/ha) tương đương ở CT2 và CT4. Vụ II, năng suất DT2008 đạt cao nhất ở CT3 lần lượt là 27,7 tạ/ha tại Kon Tum và 29,8

tạ/ha tại Đắk Lắk, thấp nhất ở CT1. Vụ III, năng suất DT2008 ở các mức phân bón khác nhau tại Kon Tum và Đắk Lắk biến động từ 18,1 - 26,2 tạ/ha và 16,9 - 24,1 tạ/ha, đạt cao nhất ở CT3.

Bảng 4. Ảnh hưởng của lượng phân bón khác nhau đến năng suất DT2008 tại Tây Nguyên năm 2010

*Đơn vị: tạ/ha*

| TT | Phân bón | Vụ I | | Vụ II | | Vụ III | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk |
| 1 | CT 1 | 19,7 | 4,8 | 20,6 | 23,4 | 18,1 | 16,9 |
| 2 | CT 2 | 22,6 | 6,8 | 24,9 | 26,9 | 22,2 | 21,8 |
| 3 | CT 3 | 27,2 | 8,1 | 27,7 | 29,8 | 26,2 | 24,1 |
| 4 | CT 4 | 28,6 | 6,9 | 25,3 | 29,4 | 23,6 | 21,4 |
| 5 | CT 5 | 24,4 | 6,2 | 23,9 | 26,6 | 22,6 | 20,2 |
| *CV%* | | *5,7* | *12,2* | *6,5* | *12,7* | *6,3* | *5,8* |
| $LSD_{0,05}$ | | *2,06* | *1,45* | *3,0* | *6,3* | *2,7* | *2,3* |

* *Xác định mật độ gieo trồng:* Tại Kon Tum, năng suất DT2008 ở các mật độ (MĐ) khác nhau trong vụ I, vụ II, vụ III là từ 14,5 - 21,8 tạ/ha, từ 15,5 - 25,1 tạ/ha, và từ 14,6 - 25,6 tạ/ha, MĐ 3 (30 cây/$m^2$) đạt năng suất cao nhất, sau đó là mật độ 4 (40 cây/$m^2$), thấp nhất ở mật độ 1 (10/$m^2$). Tại Đắk Lắk, năng suất DT2008 dao động từ 5,4 - 6,2 tạ/ha ở vụ I, từ 20,8 - 27,1 tạ/ha ở vụ II và 13,4 - 24,0 tạ/ha ở vụ III, trong đó vụ I, năng suất DT2008 ở MĐ 3 đạt cao nhất (6,2 tạ/ha), MĐ 2 (6,2 tạ/ha), thấp nhất ở MĐ 1 (5,4 tạ/ha); vụ II, năng suất của giống DT2008 ở mật độ 2 đạt cao nhất (27, 1 tạ/ha), MĐ 3 (26,3 tạ/ha), MĐ 4 (23,3 tạ/ha); vụ III, năng suất DT2008 đạt cao nhất ở MĐ 3 (24,0 tạ/ha).

Bảng 5. Ảnh hưởng của mật độ trồng đến năng suất DT2008 tại Tây Nguyên năm 2010

*Đơn vị: tạ/ha*

| TT | Mật độ | Vụ I | | Vụ II | | Vụ III | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk | Kon Tum | Đắk Lắk |
| 1 | MĐ 1 | 14,5 | 5,4 | 15,5 | 20,8 | 14,6 | 13,4 |
| 2 | MĐ 2 | 16,9 | 6,0 | 20,9 | 27,1 | 19,9 | 19,4 |
| 3 | MĐ 3 | 21,8 | 6,2 | 25,1 | 26,3 | 25,6 | 24,0 |
| 4 | MĐ 4 | 19,6 | 5,8 | 23,3 | 23,3 | 21,4 | 21,5 |
| *CV%* | | *5,5* | *9,0* | *5,1* | *12,0* | *9,2* | *5,7* |
| $LSD_{0,05}$ | | *1,99* | *0,99* | *2,1* | *5,5* | *3,75* | *2,2* |

### 4. Kết quả phát triển giống đậu tương DT2008 tại Tây Nguyên từ 2009 - 2011

Trong 3 năm 2009 - 2011, các tỉnh Kon Tum, Đắk Nông, Đắk Lắk mở rộng sản xuất thử giống DT2008 trong các thời vụ khác nhau với diện tích 48,5 ha, đạt năng suất cao hơn đối chứng DT84 từ 1,5 - 2 lần và đã được các cấp quản lý cũng như nông dân chấp nhận.

Bảng 6. Kết quả mở rộng DT2008 tại Tây Nguyên năm 2009 - 2011

*Đơn vị: tạ/ha*

| Năm | Địa điểm trình diễn | Điều kiện canh tác | Thời vụ | Diện tích *(ha)* | Năng suất | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | DT2008 | Đ/c DT84 |
| 2009 | Ma Đrắk, Đắk Lắk | Đất ngô | Hè Thu | 5 | 28 - 30 | 15,0 |
| | Đắk Hà, Kon Tum | Đất 2 lúa | Thu Đông | 10 | 28,3 | 16,2 |
| 2010 | TP Kon Tum | Trồng xen | 5/2010 | 1 | 16 - 25 | - |
| | Đắk Hà, Kon Tum | Đất 1 lúa | Đông Xuân | 2 | 20 - 22 | - |
| | Cư Jut, Đắk Nông | Đất ngô | Hè Thu | 1,5 | 22 - 30 | 20,0 |
| | TP Kon Tum | Đất cao su | Hè Thu | 3 | 15 - 18 | - |
| | Chư Prông, Gia Lai | Đất ngô | Hè Thu | 10 | 20 - 25 | 16,0 |
| 2011 | Cư Jut, Đắk Nông | Đất ngô | Hè Thu | 2 | | |
| | Đắk Tô, Kon Tum | Đất màu | Hè Thu | 2 | 22,9 | 10,5 |
| | Đắk Hà, Kon Tum | Trồng xen | Hè Thu | 2 | 12 - 15 | 6 - 7,5 |
| | Đắk Hà, Kon Tum | Đất 2 lúa | Thu Đông | 10 | - | - |
| **Tổng** | | | | **48,5** | | |

## IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 1. Kết luận

Đã tuyển chọn được giống đậu tương DT2008 có khả năng chịu hạn cao, chống chịu bệnh tốt, năng suất trên 20 tạ/ha, thích hợp với mùa khô tại Tây Nguyên.

Xây dựng thành công quy trình kỹ thuật canh tác giống đậu tương triển vọng DT2008 đạt năng suất trên 20 tạ/ha tại Tây Nguyên. Vụ I, trên đất ruộng 1 vụ, tại Kon Tum gieo từ 02/02 - 12/02, mật độ tại Kon Tum từ 30 - 40 cây/$m^2$, lượng phân bón cho 1 ha là 1,8 tấn phân hữu cơ sinh học (HCSH) + 40 kg N + 60 kg $P_2O_5$ + 60 kg $K_2O$; tại Đắk Lắk gieo từ 26/01 - 6/02, mật độ từ 20 - 30 cây/$m^2$, lượng phân bón cho 1 ha là 30 kg N + 40 kg $P_2O_5$ + 40 kg $K_2O$. Vụ II, tại Kon Tum gieo từ 24/7 - 03/8, mật độ từ 30 - 40 cây/$m^2$; tại Đắk Lắk gieo từ 05/8 - 13/8, mật độ từ 20 - 30 cây/$m^2$, lượng phân bón cho 1 ha là 1,8 tấn hữu cơ sinh học (HCSH) + 30 kg N + 40 kg $P_2O_5$ + 40 kg $K_2O$. Vụ III, tại Kon Tum gieo từ 7/11 - 17/11, tại Đắk Lắk gieo từ 10/11 - 20/11; mật độ từ 30 - 40 cây/$m^2$ Lượng phân bón cho 1 ha là 1,8 tấn phân hữu cơ sinh học (HCSH) + 65 kg urê + 220 kg lân nung chảy + 65 kg kaliclorua.

Đề tài đã phối hợp với các địa phương tại Tây Nguyên mở rộng 48,5 ha diện tích DT2008 đạt hiệu quả kinh tế cao 1,5 - 2 lần giống cũ.

### 2. Đề nghị

Phát triển sản xuất và hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác giống DT2008.

Tuyển chọn thêm các giống đậu tương mới chống chịu cao, năng suất ổn định trên 20 tạ/ha để ứng phó với biến đổi khí hậu.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Mai Quang Vinh, Trần An Phong. *Kết quả nghiên cứu xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa tại tỉnh Kon Tum*. Kỷ yếu "Hội thảo Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ nông nghiệp 2006 - 2007 các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên". Bộ NN-PTNT, Nha Trang 10/2007. Tr. 44 - 48.
2. Mai Quang Vinh. *Nghiên cứu các giải pháp KHCN thúc đẩy phát triển sản xuất đậu tương tại Tây Nguyên bằng giống chịu hạn năng suất cao trong điều kiện khí hậu biến đổi*. Kỷ yếu "Hội nghị Khoa học công nghệ vùng Tây Nguyên". Bộ KHCN - Đắk Lắk, ngày 29-30/6/2009.
3. Mai Quang Vinh, Trần An Phong. *Kết quả tuyển chọn giống đậu tương chịu hạn*. Hội thảo KHCN huyện Đắk Hà - Kon Tum, Tháng 1/2010.
4. Mai Quang Vinh, Phạm Thị Bảo Chung và cs. *Kết quả chọn tạo giống đậu tương chịu hạn DT2008*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, số 6 (19)-2010, Tr. 46-50.
5. Mai Quang Vinh, Phạm Thị Bảo Chung, Nguyễn Văn Mạnh, Lê Thị Ánh Hồng. *Quy trình kỹ thuật sản xuất giống đậu tương DT2008*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, số 7 (28)-2011, Tr. 26-29.

*Ngày nhận bài: 05/2/2012*
*Người phản biện: TS. Phạm Xuân Liêm, ngày 9/2/2012*
*Ngày duyệt đăng: 20/3/2012.*

# KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TẬP ĐOÀN ĐẬU XANH TẠI NGÂN HÀNG GEN CÂY TRỒNG QUỐC GIA VỤ HÈ 2011

Bùi Thị Thu Huyền, Lê Khả Tường,
Nguyễn Trọng Dũng, Nguyễn Thị Thu Trang

SUMMARY

**Results of evaluation of mungbean germplasm collection in national crop genebank**

Mungbean (*Vigna radiata* (L.) Wilczek.) is a traditional legume food crop which is consumed in different ways in Vietnam. Mungbean is rich and balance in protein, short duration, drought tolerant, and adaption to environment. In the changes of the current climate, mungbean is one of the potential crop which is chosen for research and development in the response to global climate change. With objectives of selection and introduction of potential mungbean varieties for production, which have high yield, good growth, high tolerance to pest and disease, we characterized and evaluated agro-bio-morphological characteristics of 103 accessions in mungbean germplasm collection maintained in national crop genebank based on methods of plant genetic resources characterization and evaluation, and traditional plant-breeding. The experiment was implemented in the summer of 2011. The research results showed that most of varieties grew and developed well in climate condition of Red River Delta. And we have selected 2 varieties (Accession No. 4299 và 8496) having higher yield than control, KPS1.

**Keywords:** Mungbean (*Vigna radiata* (L.) Wilczek.), agro-bio-morphological characteristics, collection, germplasm, evaluation, selection, potential, promissing